

Thứ sáu, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục giảm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/7/2023		•	
Tuần 03/07-07/07/2023		•	
Tháng 07/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giảm gần 5.2 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,120.18 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 10/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ và Truyền Thông là trụ đỡ thị trường. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả 2 sàn HSX và sàn HNX. Thị trường vẫn đang giao dịch trong biên độ hẹp với tâm lý thận trọng lan tỏa trong các hoạt động giao dịch. VN-Index vẫn đang kiểm tra vùng hỗ trợ 1,120-1,125 điểm khi nhà đầu tư đón đợi mùa KQKD Q2 sắp đến.

Hợp đồng tương lai: VN30F2312 giảm theo xu hướng vận động của VN30, các HĐTL còn lại biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/6/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-5.21** điểm, đóng cửa **1120.18** điểm. HNX-Index **-5.21** điểm, đóng cửa **227.32** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.52)**, **GVR (+0.36)**, **MWG (+0.22)**, **FRT (+0.17)**, **GEX (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.21)**, **BID (-1.42)**, **GAS (-0.76)**, **VIC (-0.75)**, **CTG (-0.48)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,406** tỷ đồng, giảm **-34.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,621 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.20 điểm. Thị trường có **167** mã tăng, **68** mã tham chiếu, **249** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **387.54** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (166.42 tỷ)**, **VHM (55.12 tỷ)**, **SSI (27.86 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **31.92** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.10%**. Các mã diễn biến tích cực: **GVR (+1.84%)**, **MWG (+1.41%)**, **HPG (+1.36%)**.
- BSC50 **+0.34%**. Các mã diễn biến tích cực: **FRT (+6.87%)**, **DRC (+4.52%)**, **GEX (+4.03%)**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1120.18**
Giá trị: 10406.16 tỷ **-5.21 (-0.46%)**
Khối ngoại (ròng): 387.54 bil

HNX-INDEX **227.32**
Giá trị: 1076.28 tỷ **-5.21 (-0.46%)**
Khối ngoại (ròng): 31.92 tỷ

UPCOM-INDEX **86.00**
Giá trị: 501.32 tỷ **0.37 (0.43%)**
Khối ngoại (ròng): 0.84 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	69.7	0.14%
Giá vàng	1,909	0.06%
Tỷ giá USD/VND	23,580	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,561	-0.22%
Tỷ giá JPY/VND	163	0.09%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	0.87%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	166.42	PNJ	-24.11
VHM	55.12	VIC	-16.11
SSI	27.86	GAS	-16.01
PVD	21.03	POW	-11.05
VHC	19.58	SAB	-10.99

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 30/6

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	69.65	0.14%	0.21%	0.08%	-32.44%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.16	0.17%	0.02%	0.61%	-29.77%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.61	0.24%	2.34%	5.26%	-23.29%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.67	-0.05%	-1.38%	10.37%	-50.55%		
TTF Gas	EUR/MWh	35.18	3.09%	3.18%	42.54%	-75.66%		
Vàng	Ounce	1,908.60	0.06%	-0.26%	-2.58%	5.63%		PNJ
Bạc	Ounce	22.57	-0.68%	1.47%	-2.80%	11.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,483.00	2.21%	-1.17%	14.38%	-4.97%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	14.09	-1.81%	-5.37%	-12.81%	-37.46%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	130.40	-0.69%	-1.66%	-2.32%	-21.02%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	22.07	-2.22%	-11.47%	-12.87%	17.21%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Cà phê	LB	163.60	-1.24%	-4.72%	-7.62%	-30.00%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	311.40	2.94%	3.63%	4.50%	-56.75%		DPM, DCM
Niken	LB	19,856.00	-3.52%	-5.74%	-5.60%	-16.40%		PC1
Đồng	LB	3.67	-1.37%	-5.61%	0.23%	-1.10%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	3,729.00	0.22%	1.80%	5.91%	-17.15%		HPG
Nhôm	Ton	2,162.50	-0.51%	-1.75%	-2.77%	-11.57%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 29/6, dầu thô Brent tăng 0.17% lên 74.16 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 0.14% lên 69.65 USD/thùng.

• Trong phiên trước đó, cả hai loại dầu đều tăng hơn 2%, sau khi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần kết thúc ngày 23/6/2023 giảm 9.6 triệu thùng, vượt xa so với dự báo giảm 1.8 triệu thùng của các nhà phân tích.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.06% lên 1,908 USD/ounce, trong khi đó vàng kỳ hạn tháng 8/2023 trên sàn New York giảm 0.2% xuống 1,917.9 USD/ounce.

• Giá vàng duy trì vững, do các thương nhân mua vào kiếm lời sau khi giá vàng dưới ngưỡng 1,900 USD/ounce, được thúc đẩy bởi hàng loạt số liệu kinh tế mạnh mẽ của Mỹ.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2023 trên sàn Đại Liên tăng 0.9% lên 830.5 CNY (114.71 USD)/tấn, sau khi đạt 835 CNY/tấn - cao nhất kể từ ngày 16/3/2023. Trong khi đó, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 7/2023 trên sàn Singapore giảm 0.4% xuống 112.95 USD/tấn.

• Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng lên mức cao nhất 15 tuần, được củng cố bởi sự lạc quan mới về triển vọng kích thích hơn nữa, nhằm hỗ trợ sự phục hồi kinh tế đang chững lại của Trung Quốc.

Giá hàng hóa khác

- Giá xuất khẩu gạo Ấn Độ đạt mức cao nhất 5 năm, do nguồn cung khan hiếm và động thái tăng giá mua lúa bất buộc của chính phủ, trong khi giá gạo tại Việt Nam và Thái Lan cũng đạt mức cao nhất hơn 2 năm.

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
23/05/2023	REE	61.45	70.00	58.00	65.20	38.00	6.10%	Có thể tiếp tục mua
12/05/2023	CTD	64.60	72.00	61.00	68.90	49.00	6.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
27/04/2023	VGX	11.60	13.50	10.65	12.50	64.00	7.76%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:			VN-Index tiếp tục duy trì sắc xanh			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

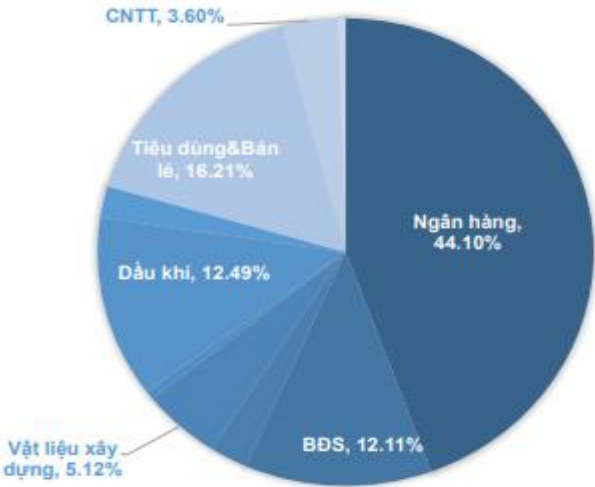
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
16/03/2023	GVR	15	16.9	14	TP	57	12.67%
08/03/2023	FRT	72.4	85	70	SL	9	-3.31%
02/03/2023	DDV	8.6	10	8	TP	88	16.28%
07/03/2023	HPG	21.1	25	19.8	TP	107	18.48%
12/19/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
06/06/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
06/01/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời			SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	0	6.84%	0.00%	6.84%	50
Cổ phiếu đã chốt	254	232	6.95%	-7.45%	4.04%	23

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	100.0	-1.9%	1.0	20,091	2.4	7,311	13.7	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	43.4	-2.6%	0.9	9,310	1.8	4,208	10.3	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	-0.3%	1.1	5,657	10.4	-			17.0%	Link
TCB	Ngân hàng	32.4	-0.9%	1.6	4,830	3.4	-			22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	20.2	-0.5%	1.5	3,888	5.7	4,640	4.4	26,000	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.8	0.8%	1.3	2,385	10.3	4,603	6.5	24,600	25.8%	Link
GVR	BDS KCN	19.4	1.8%	1.9	3,294	2.6	4,880	4.0	31,200	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	29.4	1.2%	1.7	956	9.4				19.6%	Link
IDC	BDS KCN	42.4	0.0%	1.7	594	2.2	1,217		19,100	10.8%	Link
VGC	BDS KCN	42.6	0.9%	1.8	811	2.1	1,916	22.2	25,000	4.7%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.2	1.4%	2.1	6,455	25.6	1,896	13.8	18,500	25.3%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55.0	0.0%	1.0	10,167	3.4	5,227	10.5	68,300	24.3%	Link
VRE	BDS	26.8	-0.7%	1.0	2,585	3.0	1,576	17.0	31,800	32.6%	Link
KDH	BDS	30.8	0.2%	1.7	937	1.8	2,557	12.0	38,700	38.2%	Link
NLG	BDS	33.0	-0.2%	1.6	538	3.6	14,120	2.3	42,000	44.1%	Link
DGC	Phân bón	63.8	1.3%	1.8	1,029	5.2	6,793	9.4	122,300	14.8%	Link
DPM	Dầu khí	34.8	-0.3%	1.0	577	2.9	2,625	13.3	42,000	14.8%	Link
DCM	Dầu khí	26.4	0.4%	1.3	593	2.7	2,292	11.5	18,400	9.3%	Link
GAS	Dầu khí	93.0	-1.7%	0.7	7,557	2.7	1,340	69.4	31,100	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	37.4	-0.4%	0.9	2,015	0.7	2,929	12.8	24,300	17.7%	Link
PVS	Dầu khí	32.4	-0.3%	1.0	657	4.3	993	32.6	13,000	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	24.5	0.0%	1.2	578	2.9	7,698	3.2	85,000	22.0%	Link
POW	Tiện ích	13.4	-1.1%	0.9	1,332	3.9	3,895	3.4	87,600	7.8%	Link
VNM	Bán lẻ	71.0	-1.3%	0.4	6,300	11.0	2,605	27.3	96,000	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	75.2	-0.3%	1.2	4,545	2.8	3,456	21.8	55,200	30.1%	Link
MWG	Bán lẻ	43.3	1.4%	1.7	2,689	6.4	7,475	5.8	95,000	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	75.0	0.0%	0.7	1,044	3.9	2,965	25.3	77,100	48.7%	Link
VHC	Thủy sản	65.0	0.0%	1.0	506	2.3	12,800	5.1	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	51.9	0.4%	0.4	664	1.0	7,059	7.4	57,000	47.4%	Link
FPT	Công nghệ	86.0	-0.6%	0.7	4,032	2.7	5,901	14.6	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.5	-1.3%	1.2	6,019	7.0	3,520	8.2	1.3	27.2%	16.3%
ACB	Ngân hàng	22.0	0.7%	1.1	3,636	4.8	3,742	5.8	1.4	26.1%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.6	1.4%	0.8	1,986	2.4	3,149	5.9	1.2	19.7%	23.9%
LPB	Ngân hàng	15.2	0.0%	1.4	1,112	1.7	2,732	5.4	1.1	4.1%	19.9%
VIB	Ngân hàng	19.6	-0.5%	1.2	2,110	2.8	4,163	5.6	1.5	17.1%	30.0%
VND	Chứng khoán	18.9	0.5%	2.1	977	14.7	489	39.1	1.6	23.5%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.0	-0.6%	1.0	1,682	2.0	2,895	6.3	1.2	20.8%	20.9%
SSI	chứng khoán	25.8	1.4%	1.7	1,642	15.9	1,120	22.9	1.7	44.9%	7.9%
CII	Xây dựng	18.2	-0.3%	1.6	220	4.9	218	80.0	6.5	8.7%	3.0%
C4G	Xây dựng	13.6	0.0%	1.9	195	1.1	791	16.3	1.8	0.0%	6.9%
CTD	Xây dựng	68.9	0.4%	2.0	218	1.6	184	359.9	0.6	49.0%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.2	0.7%	1.6	213	2.9	903	15.1	0.6	3.8%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.3	-0.4%	2.1	107	2.4	781	16.7	1.0	3.3%	6.0%
BCM	KCN	79.2	0.0%	0.8	3,480	1.6	1,170	68.4	4.6	2.7%	7.6%
HUT	KCN	19.3	-0.5%	1.4	286	1.4	162	113.1	1.9	1.9%	1.3%
PHR	KCN	46.4	-0.3%	1.4	267	0.8	6,039	7.6	1.7	15.2%	24.4%
SZC	KCN	36.2	0.4%	1.8	154	0.9	1,323	26.4	2.3	3.1%	9.0%
HSG	Vật liệu	16.4	0.3%	2.4	430	5.2	(1,744)		1.0	17.3%	2.3%
HT1	Vật liệu	16.2	0.0%	1.5	262	0.6	386	38.1	1.3	3.5%	3.0%
NKG	Vật liệu	17.2	0.0%	2.5	193	4.2	(2,586)		0.9	9.8%	13.5%
PTB	Vật liệu	47.6	-0.2%	1.1	137	0.3	6,017	8.0	1.2	14.4%	15.6%
KSB	Vật liệu	29.8	0.0%	1.7	96	2.7	1,393	19.0	1.2	1.8%	6.5%
NVL	BĐS	14.8	-1.0%	1.3	1,229	17.6	362	42.1	0.7	3.6%	1.9%
DXG	BĐS	14.8	-0.3%	2.7	385	7.3	(240)		0.7	18.7%	3.4%
HDC	BĐS	28.0	-1.6%	0.9	161	1.0	3,157	11.3	2.0	1.5%	20.6%
DIG	BĐS	21.0	-0.2%	2.4	545	16.3	262	78.5	1.7	5.6%	2.1%
IJC	BĐS	14.0	-2.4%	2.1	149	1.3	1,662	8.8	0.9	6.2%	12.1%
BSR	Dầu khí	17.3	-0.6%	1.4	2,277	4.6	4,750	3.7	1.0	0.0%	29.6%
PVT	Dầu khí	23.2	1.1%	0.9	318	3.9	2,740	7.7	0.9	15.5%	15.1%
PLC	Săm lốp	37.5	-0.3%	1.6	129	0.3	1,355	27.6	2.4	1.3%	9.4%
DRC	Tiện ích	22.0	4.5%	1.2	111	1.3	2,246	8.9	1.4	8.9%	14.4%
REE	Tiện ích	65.2	2.2%	0.8	1,131	5.0	6,714	9.2	1.4	49.0%	19.7%
GEX	Tiện ích	19.4	4.0%	1.8	700	11.9	10	1902.7	0.9	10.9%	4.2%
NT2	Tiện ích	29.9	-3.5%	0.6	365	1.5	3,245	9.9	1.9	15.7%	21.4%
HDG	Tiện ích	38.7	-0.8%	1.8	402	1.4	4,718	8.0	1.5	24.3%	22.8%
PC1	Tiện ích	26.7	-1.8%	1.6	306	2.1	1,257	22.3	1.3	7.2%	6.2%
GEG	Tiện ích	16.4	1.9%	1.1	269	1.0	956	16.9	1.1	38.4%	6.2%
BCG	Dầu khí	9.2	0.7%	2.4	209	1.6	220	43.9	0.4	1.7%	0.3%
SAB	Bán lẻ	153.6	-0.3%	0.1	4,182	1.0	7,649	20.8	4.0	62.4%	21.8%
QNS	Bán lẻ	48.1	1.5%	0.4	0	1.3	4,226	10.6	2.3	17.6%	19.5%
FRT	Bán lẻ	71.6	6.9%	1.6	414	8.7	1,620	38.6	5.2	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	41.6	3.0%	2.2	295	4.2	3,397	11.6	3.2	23.0%	24.7%
DBC	Bán lẻ	21.3	1.4%	2.0	219	3.5	(1,339)		1.2	6.9%	3.2%
PET	Bán lẻ	27.5	1.9%	2.5	115	0.9	1,026	25.9	1.4	0.0%	6.3%
BAF	Bán lẻ	23.0	0.4%	1.1	140	2.1	1,409	16.6	1.9	0.2%	12.1%
ANV	Thủy sản	35.8	-0.4%	2.0	203	2.8	4,368	7.8	1.8	4.4%	20.8%
VSC	Logistics	35.6	0.9%	0.2	183	0.8	2,087	15.6	1.4	3.1%	10.7%
HAH	Logistics	45.0	0.7%	1.3	134	2.5	9,072	4.8	1.1	5.2%	35.9%
CTR	Công nghệ	70.5	-0.1%	1.5	342	0.3	4,040	17.9	4.7	10.7%	29.4%
TNG	Dệt may	18.6	-0.5%	1.7	90	1.3	2,665	7.0	1.3	15.3%	19.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639